

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 06 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1-2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán, cho thuê xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có Văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bà Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diện	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lee Yong Bum	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào Ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hùng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 03 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	58.824.691.926	53.444.905.260
110	I. Tiền	684.393.918	743.290.215
111	1. Tiền	622.697.518	743.290.215
112	2. Các khoản tương đương tiền	61.696.400	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.492.123.415	2.476.694.760
121	1. Chứng khoán kinh doanh	-	7.905.321
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.492.123.415	2.468.789.439
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	24.283.980.793	18.577.952.349
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.552.182.114	3.744.305.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.969.303.992	9.145.403.541
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.922.929.178	1.649.075.178
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	3.884.656.918	4.084.766.609
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(47.810.253)	(47.926.619)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	2.718.845	2.328.544
140	IV. Hàng tồn kho	30.099.704.908	30.222.171.748
141	1. Hàng tồn kho	30.165.861.323	30.291.257.024
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(66.156.415)	(69.085.275)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.264.488.891	1.424.796.188
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	287.318.555	224.210.796
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	960.113.794	1.169.050.083
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17.056.542	31.535.310
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	27.415.875.113	26.236.649.708
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	84.559.919	110.631.844
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	14.850.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	69.959.919	96.031.844
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(250.000)	(250.000)
220	II. Tài sản cố định	12.794.601.261	12.234.794.227
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8.506.547.722	7.929.210.762
222	Nguyên giá	12.858.956.590	12.014.152.907
223	Giá trị khấu hao lũy kế	(4.352.408.867)	(4.084.942.144)
227	2. Tài sản cố định vô hình	4.288.053.538	4.305.583.465
228	Nguyên giá	4.543.535.929	4.545.830.361
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(255.482.391)	(240.246.896)
230	III. Bất động sản đầu tư	2.212.858.947	2.224.388.436
231	1. Nguyên giá	2.271.584.691	2.271.584.691
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế	(58.725.745)	(47.196.255)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7.277.145.868	7.262.402.414
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.277.145.868	7.262.402.414
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	775.746.023	68.919.987
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	10.619.618	6.419.618
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	765.126.405	62.500.369
260	VI. Tài sản dài hạn khác	4.270.963.097	4.335.512.801
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	530.392.427	473.602.486
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	(8.881.802)	4.212.986
269	3. Lợi thế thương mại	3.749.452.471	3.857.697.329
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	86.240.567.039	79.681.554.968

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 03 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	51.330.238.673	47.493.100.282
310	I. Nợ ngắn hạn	46.022.341.205	44.584.784.544
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.121.672.650	12.657.623.883
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.489.388.500	2.172.494.813
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	837.385.456	801.353.569
314	4. Phải trả người lao động	89.185.184	95.159.620
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.281.281.469	1.306.402.336
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	50.918.490	64.116.825
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	1.617.347.090	303.912.003
320	8. Vay ngắn hạn	26.402.708.943	27.049.658.692
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	116.273.697	122.526.920
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.179.726	11.535.883
330	II. Nợ dài hạn	5.307.897.468	2.908.315.738
331	1. Phải trả người bán dài hạn	3.046.105	3.031.509
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	339.481	526.954
337	3. Phải trả dài hạn khác	49.999.055	49.108.323
338	4. Vay dài hạn	5.033.930.476	2.623.434.766
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	193.250.091	205.297.967
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	27.332.259	26.916.219
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	34.910.328.366	32.188.454.686
410	I. Vốn chủ sở hữu	34.910.328.366	32.188.454.686
411	1. Vốn cổ phần	16.950.000.000	16.646.958.570
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	16.950.000.000	16.646.958.570
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.620.919.783	29.878.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	22.174.800	15.799.800
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	331.122	3.000.655
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.911.724.368	12.118.360.465
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	9.111.507.003	11.154.250.363
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	1.800.217.365	964.110.102
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.405.178.293	3.374.456.359
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	86.240.567.039	79.681.554.968

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý II.2019	Quý II.2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.585.332.306	14.445.711.405
02	2. Các khoản giảm trừ	19.994.709	(58.942.139)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.565.337.597	14.504.653.543
11	4. Giá vốn hàng bán	12.001.554.492	11.520.934.978
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.563.783.105	2.983.718.565
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	146.300.315	342.481.875
22	7. Chi phí tài chính	736.371.693	225.055.477
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	382.217.393	150.104.112
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	575.174.065	471.697.510
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	471.167.502	467.141.776
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	927.370.160	2.162.305.677
31	12. Thu nhập khác	34.525.758	45.465.708
32	13. Chi phí khác	17.351.321	13.306.734
40	14. Lợi nhuận khác	17.174.438	32.158.975
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	944.544.597	2.194.464.652
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	79.038.745	235.469.488
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.046.912	(32.619.712)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	864.458.940	1.991.614.875
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	836.113.192	1.958.754.522
62	20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28.345.748	32.860.353
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	493	1.181

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý II.2019	Quý II.2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	944.544.597	2.194.464.652
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	496.284.413	379.160.512
03	Các khoản dự phòng	(8.648.304)	315.618
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	254.507.953	(230.799.442)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(174.473.218)	52.491.913
06	Chi phí lãi vay	382.217.393	150.104.112
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.894.432.833	2.545.737.364
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(4.637.632.104)	(2.331.086.550)
10	Tăng giảm hàng tồn kho	135.089.974	(1.312.355.827)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả	(133.103.804)	5.022.906.577
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	(121.210.893)	(32.829.949)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	7.905.321	-
14	Tiền lãi vay đã trả	(330.766.774)	(309.589.570)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(62.943.788)	(79.862.916)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	13.265.488	(2.084.800)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.250.605)	19.349.749
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.237.214.351)	3.520.184.078
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(1.443.029.272)	(1.154.891.031)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	54.253.942	163.278.201
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(308.484.952)	(55.941.092)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	11.093.729	43.914.180
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(4.200.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	483.440	(8.759.825)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.689.883.114)	(1.012.399.567)


Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải


B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019


Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý II.2019	Quý II.2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	3.867.082.376	400.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	21.588.922.644	12.605.148.899
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(19.844.821.032)	(14.114.377.025)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(742.350.894)	(1.084.697.474)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	4.868.833.094	(2.193.925.601)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(58.264.371)	313.858.909
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	743.290.215	484.107.087
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(631.926)	(606.792)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	684.393.918	797.359.205


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2019